

Đơn vị tính : %

Loại hình bảo hiểm nhân thọ	Tỷ lệ hoa hồng tối đa tính trên phí bảo hiểm toàn phần			
	Phương thức nộp phí bảo hiểm định kỳ			Phương thức nộp phí 1 lần
	Năm hợp đồng thứ nhất	Năm hợp đồng thứ hai	Các năm hợp đồng tiếp theo	
1. Bảo hiểm tử kỳ	40	20	15	3
2. Bảo hiểm sinh kỳ thuần túy	15	10	7	1,5
3. Bảo hiểm hỗn hợp:				
- Thời hạn bảo hiểm 10 năm trở xuống	25	7	5	1,5
- Thời hạn bảo hiểm trên 10 năm	40	10	10	2
4. Bảo hiểm trọn đời	30	20	15	3
5. Niên kim	15	10	7	1,5

B. Trường hợp kết hợp các loại hình bảo hiểm riêng biệt: Hoa hồng bảo hiểm nhân thọ được tính trên cơ sở tổng số hoa hồng của các loại hình bảo hiểm nhân thọ riêng biệt nêu trên.

II. Đối với loại hình bảo hiểm nhân thọ nhóm: Tỷ lệ hoa hồng tối đa bằng 50% các tỷ lệ tương ứng áp dụng cho các loại hình bảo hiểm nhân thọ cá nhân cùng loại.

THÔNG TƯ số 146/1999/TT-BTC ngày 17/12/1999 hướng dẫn thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10.

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10, Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện miễn thuế, giảm thuế quy định tại Nghị định này như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 bao gồm:

1. Các công ty, doanh nghiệp (gọi chung là doanh nghiệp) không phân biệt loại hình sở hữu và quy mô gồm: Công ty trách nhiệm hữu hạn; công ty cổ phần; công ty hợp danh; doanh nghiệp tư nhân; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; doanh nghiệp nhà nước.

2. Cơ sở giáo dục, đào tạo tư thục, dân lập; bán công; cơ sở y tế tư nhân, dân lập; cơ sở văn hóa dân tộc được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, hội nghề nghiệp có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

09659698

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft

4. Cá nhân, nhóm kinh doanh được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 66/HĐBT ngày 02/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

5. Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam, mua cổ phần, góp vốn vào các doanh nghiệp Việt Nam.

Các đối tượng nêu tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5 Phần A Thông tư này chỉ được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP và hướng dẫn tại Phần B Thông tư này khi:

- Hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.
- Đã đăng ký nộp thuế với cơ quan thuế.
- Thực hiện chế độ hạch toán kế toán theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN VIỆC THỰC HIỆN MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ

I. MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ, ƯU ĐÃI VỀ THUẾ SUẤT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Đối tượng và hồ sơ làm căn cứ xác định ưu đãi về thuế.

a) Đối với các dự án đầu tư thành lập cơ sở kinh doanh mới.

Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định: Các cơ sở sản xuất kinh doanh mới đầu tư xây dựng phải có quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền, có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Những cơ sở đã thành lập trước đây nay chia, tách, đổi tên hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định này. Các cơ sở mới xây

dựng đáp ứng một trong các quy định tại Điều 15, Điều 16 của Nghị định thì được hưởng ưu đãi về thuế suất, miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại các Điều 20, 21 của Nghị định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh phải gửi hồ sơ đề nghị được hưởng các mức ưu đãi về thuế đã ghi trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế cơ sở. Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị được hưởng các mức ưu đãi về thuế đã ghi trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư có đầy đủ chữ ký của người đại diện hợp pháp và con dấu của đơn vị.
- Quyết định thành lập và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có công chứng hoặc bản sao y bản chính có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp).
- Quyết toán công trình hoặc biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng (nếu chưa có quyết toán công trình).
- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp (bản sao có công chứng hoặc bản sao có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp).
- Tờ khai đăng ký thuế.

b) Đối với dự án đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ.

Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh có dự án đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ thuộc các ngành nghề, các lĩnh vực ưu đãi đầu tư quy định tại danh mục A Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ gồm: đầu tư thành lập phân xưởng sản xuất mới; lắp đặt dây chuyền sản xuất mới; lắp đặt trang, thiết bị mới để bổ sung cho dây chuyền sản xuất hiện có; lắp đặt máy móc, thiết bị mới thay thế cho toàn bộ hoặc từng bộ phận hoàn chỉnh máy móc, thiết bị của dây chuyền sản xuất hiện có,

ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất được hưởng các mức ưu đãi miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 51/1999/NĐ-CP.

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng hưởng ưu đãi này phải gửi hồ sơ cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế cơ sở, hồ sơ gồm có:

- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp (bản sao có công chứng hoặc sao y bản chính có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp).

- Văn bản đề nghị của cơ sở kinh doanh nêu rõ lý do miễn, giảm thuế kèm theo:

+ Đối với doanh nghiệp nhà nước là luận chứng đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết toán công trình hoặc biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng (nếu chưa có quyết toán).

+ Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần là luận chứng đầu tư được hội đồng thành viên hay chủ sở hữu công ty phê duyệt; quyết toán công trình hoặc biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

+ Đối với doanh nghiệp tư nhân là hợp đồng và bản quyết toán hợp đồng xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị; trường hợp tự xây dựng phải xuất trình hóa đơn, chứng từ mua vật tư, máy móc thiết bị và thực tế máy móc thiết bị đã được lắp đặt sử dụng.

- Báo cáo quyết toán tài chính và quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của cơ sở kinh doanh trước năm đầu tư và năm sau đầu tư xin miễn thuế, giảm thuế.

Cơ sở kinh doanh căn cứ vào mức độ miễn, giảm thuế phải tự tính toán và hạch toán riêng phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới mang lại, số thuế được miễn, giảm và số thuế phải nộp từng kỳ cũng như cả năm, thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định. Trường hợp cơ sở kinh

doanh không hạch toán riêng được thu nhập chịu thuế tăng thêm do đầu tư dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ thì thu nhập chịu thuế tăng thêm được xác định căn cứ theo tỷ lệ giữa giá trị đầu tư tăng thêm trên tổng trị giá tài sản cố định hiện có của cơ sở kinh doanh. Hàng năm khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định chính thức số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm.

c) Đối với dự án BOT, BTO.

Cơ sở kinh doanh thực hiện dự án BOT, BTO được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ. Cơ sở kinh doanh phải gửi hồ sơ đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị của cơ sở kinh doanh.

- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp (bản sao có công chứng hoặc bản sao có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp).

- Dự án đầu tư theo hình thức BOT hoặc BTO được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trình tự và thẩm quyền xét quyết định miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Cơ quan thuế quản lý thu thuế cơ sở kinh doanh khi nhận được hồ sơ miễn, giảm thuế của cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nêu tại điểm 1a, 1b, 1c trên có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ của đơn vị.

Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị phải ra quyết định về việc miễn thuế, giảm thuế và thời hạn được miễn, giảm thuế đã ghi trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

Trường hợp kiểm tra hồ sơ của đơn vị không hợp lệ hoặc không đúng đối tượng quy định tại Thông tư này thì trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải trả lời bằng văn bản cho đơn vị biết.

Căn cứ vào mức được miễn thuế, giảm thuế, cơ sở kinh doanh tự xác định số được miễn, giảm, số phải nộp thực hiện kê khai nộp thuế từng kỳ cũng như quyết toán cả năm, thực hiện quyết toán thuế với cơ quan thuế theo quy định. Hàng năm, khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cơ quan thuế phải thông báo chính thức về số thuế phải nộp, số thuế được miễn, giảm theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Nếu số thuế cơ sở đã tạm nộp trong năm chưa đủ so với số thuế phải nộp ghi trong thông báo thuế thì cơ sở phải nộp đủ số thuế còn thiếu theo đúng thời hạn ghi trong thông báo thuế; trường hợp cơ sở trong năm nộp thừa so với số thuế đã ghi trong thông báo nộp thuế thì được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo. Trong quá trình kiểm tra quyết toán thuế nếu phát hiện cơ sở kinh doanh có hành vi khai man, trốn thuế, thì ngoài việc truy thu thuế còn bị xử phạt theo luật định, số thuế cơ sở phải nộp do bị truy thu không được miễn thuế, giảm thuế theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Trường hợp các cơ sở kinh doanh không thực hiện đúng quy định nêu tại điểm 6 Phần A Thông tư này thì cơ quan thuế thông báo cho đơn vị biết về việc không đủ điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư.

II. MIỄN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP BỔ SUNG

Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP thì nhà đầu tư có dự án đầu tư quy định tại Điều 15 hoặc Điều 16 không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và do cơ quan thuế trực tiếp quản lý đơn vị thực hiện khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

III. MIỄN, GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất trả tiền sử

dụng đất để hoạt động sản xuất kinh doanh được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP phải gửi hồ sơ xin miễn, giảm tiền sử dụng đất cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu tiền sử dụng đất thực hiện. Để thực hiện việc miễn, giảm tiền sử dụng đất cơ sở kinh doanh phải gửi hồ sơ đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế, hồ sơ gồm:

- Công văn đề nghị của cơ sở kinh doanh.
- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư (bản sao có công chứng hoặc bản sao y bản chính có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp).
- Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu tiền sử dụng đất khi nhận được hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất trong thời hạn 30 ngày phải ra quyết định miễn hoặc giảm tiền sử dụng đất.

IV. MIỄN, GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT

Nhà đầu tư (có dự án đầu tư đáp ứng một trong những điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP. Nhà đầu tư phải gửi hồ sơ cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu tiền thuê đất thực hiện. Hồ sơ gồm:

- Công văn đề nghị của cơ sở kinh doanh nêu rõ lý do miễn, giảm.
- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư (bản sao có công chứng hoặc bản sao y bản chính có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp).
- Hợp đồng thuê đất.

Cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu tiền thuê đất khi nhận được hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất trong thời gian 30 ngày phải ra quyết định về mức miễn, giảm, thời hạn miễn, giảm tiền thuê đất.

V. MIỄN, GIẢM THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Nhà đầu tư thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ phải gửi hồ sơ đến Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu thuế sử dụng đất nông nghiệp. Hồ sơ gồm:

- Công văn đề nghị của cơ sở kinh doanh.
- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư (bản sao có công chứng hoặc bản sao y bản chính có ký tên đóng dấu của doanh nghiệp).
- Quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền.

Chi cục Thuế trực tiếp quản lý thu thuế sử dụng đất nông nghiệp khi nhận được hồ sơ miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp trong vòng 10 ngày nếu xét thấy đủ điều kiện phải gửi hồ sơ cùng với công văn đề nghị về Cục Thuế. Cục Thuế trong vòng 20 ngày trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ra quyết định miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp cho từng trường hợp cụ thể.

VI. MIỄN THUẾ NHẬP KHẨU ĐỐI VỚI THIẾT BỊ, MÁY MÓC TẠO THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP thì: nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc danh mục A (ngành nghề thuộc các lĩnh vực được hưởng ưu đãi đầu tư) hoặc có dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn quy định tại danh mục B (địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn) hoặc danh mục C (địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn) được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa sau đây mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

1. Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng (nằm trong dây chuyền công nghệ) nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc mở rộng quy mô đầu tư, đổi mới công nghệ.

2. Phương tiện vận chuyển chuyên dùng đưa đón công nhân.

Đơn vị hưởng ưu đãi đầu tư có đơn đề nghị và giải trình kinh tế kỹ thuật trong đó ghi rõ danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng (nằm trong dây chuyền công nghệ), phương tiện vận tải chuyên dùng đưa đón công nhân đề nghị cơ quan cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư xác nhận.

Căn cứ vào giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư và danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng (nằm trong dây chuyền công nghệ), phương tiện vận chuyển dùng đưa đón công nhân đã được cơ quan cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư xác nhận. Nhà đầu tư phải đăng ký với cơ quan hải quan cửa khẩu, nơi nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải này để cơ quan hải quan cửa khẩu thực hiện việc miễn thuế nhập khẩu cho các cơ sở khi thực tế nhập khẩu (trường hợp nhập khẩu ủy thác thì cơ sở nhập khẩu ủy thác xuất trình hồ sơ trên kèm theo cả hợp đồng nhập khẩu ủy thác cho cơ quan hải quan).

VII. ƯU ĐÃI BỔ SUNG VỀ THUẾ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÀNG XUẤT KHẨU

Ngoài các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại các Điều 21, Điều 22, Điều 23, nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu còn được hưởng thêm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP. Để thực hiện giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 27 cơ sở kinh doanh phải gửi hồ sơ đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế cơ sở, hồ sơ gồm:

- Đề nghị của cơ sở kinh doanh trong đó giải trình rõ lý do miễn giảm, mức miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư do Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp (bản sao có công chứng hoặc bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp).

Mức hưởng thêm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Điều 27 được thực hiện khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm, cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế cơ sở kinh doanh có trách nhiệm quyết định số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn chính thức sau khi quyết toán thuế. Trường hợp cơ sở kinh doanh hạch toán được riêng phần thu nhập được miễn, giảm thuế theo các trường hợp quy định tại Điều 27 thì cơ quan thuế cho thực hiện việc tạm tính số được miễn giảm khi xác định số phải nộp từng kỳ trong năm.

VIII. THUẾ CHUYỂN LỢI NHUẬN RA NƯỚC NGOÀI

Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú ở Việt Nam, người nước ngoài góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP khi chuyển lợi nhuận thu được ra nước ngoài chỉ phải nộp một khoản thuế bằng 5% số tiền chuyển ra nước ngoài.

Cách xác định số thuế phải nộp, thủ tục nộp thuế được áp dụng thực hiện theo Mục V Phần C (thủ tục kê khai, nộp thuế, hoàn thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài) Thông tư số 99/1998/TT-BTC ngày 14/7/1998 của Bộ Tài chính.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các dự án đầu tư đang hưởng ưu đãi theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước trước ngày 22

tháng 6 năm 1994 hoặc theo Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/1/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước vẫn được tiếp tục hưởng các ưu đãi đầu tư cho đến hết thời gian còn lại theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp. Ưu đãi về thuế lợi tức ghi trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư được chuyển thành ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01 tháng 1 năm 1999. Ưu đãi về thuế doanh thu ghi trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư được thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 1998.

2. Đối với các dự án có Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước trước ngày 22 tháng 6 năm 1994 hoặc theo Nghị định số 07/1998/NĐ-CP ngày 15/1/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước thuộc diện được hưởng các ưu đãi bổ sung về miễn thuế, giảm thuế sử dụng đất, miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, các ưu đãi về miễn thuế nhập khẩu quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP thì cơ quan cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung ưu đãi cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại, kể từ ngày Nghị định số 51/1999/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

3. Sau khi được hưởng các mức ưu đãi về thuế theo quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này, nếu có sự thay đổi chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới vẫn tiếp tục được hưởng mức ưu đãi miễn thuế, giảm thuế đã ghi trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho khoảng thời gian còn lại và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của chủ đầu tư cũ để được hưởng ưu đãi miễn thuế, giảm thuế.

Trường hợp đã được hưởng ưu đãi về thuế theo những điều kiện đã đăng ký của dự án đã đầu tư nhưng trong quá trình thực hiện chủ đầu tư có sự thay đổi về những điều kiện đã đăng ký dẫn đến thay đổi mức ưu đãi thuế theo Nghị định số

51/1999/NĐ-CP thì chậm nhất trong thời hạn 5 ngày, chủ đầu tư phải khai báo với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho phù hợp.

Chủ đầu tư có hành vi gian dối để được hưởng ưu đãi về thuế hoặc khi thay đổi điều kiện đầu tư cố ý không khai báo để được hưởng mức ưu đãi về thuế cao hơn thì ngoài việc hoàn trả các khoản thuế đã được ưu đãi, tùy theo mức độ vi phạm mà chủ đầu tư bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Cán bộ thuế, hải quan, cá nhân khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn cố ý làm trái quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, các điều kiện mà chủ đầu tư đã đăng ký với từng dự án thuộc địa bàn quản lý có liên quan đến chế độ ưu đãi miễn, giảm thuế; một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư trong quá trình triển khai dự án, mặt khác kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi lợi dụng để trốn thuế. Cơ quan thuế phải lập sổ sách theo dõi, lưu giữ đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc xét miễn thuế, giảm thuế cho từng dự án đầu tư, định kỳ hàng năm báo cáo về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) số tạm thời miễn, giảm; số thực tế miễn, giảm cho đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 23 tháng 7 năm 1999 là ngày Nghị định số 51/1999/NĐ-CP có hiệu lực thi hành và thay thế Thông tư số 43/1998/TT-BTC ngày 04/4/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Nghị định số 07/1998/NĐ-CP

ngày 15 tháng 1 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, các cơ sở kinh doanh, các ngành, các địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung /.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

THÔNG TƯ số 06/1999/TT-NHNN14
ngày 02/12/1999 hướng dẫn thực
hiện việc xử lý nợ bị thiệt hại và
cho vay vốn ưu đãi khắc phục
hậu quả lũ lụt tại các tỉnh, thành
phố miền Trung theo Quyết định
số 1073/QĐ-TTg ngày 17/11/1999
của Thủ tướng Chính phủ.

Để triển khai thực hiện Điều 6 Quyết định số 1073/QĐ-TTg ngày 17/11/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc khắc phục hậu quả lũ lụt tại các tỉnh, thành phố miền Trung: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các tổ chức tín dụng và các Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố 7 tỉnh miền Trung nói trên thực hiện một số nội dung sau: